TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bành Quốc Trung;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên toà: ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 122/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1968; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Ấp Thành Nh, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm: 1970; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Ấp Thành Nh, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Anh và chị N kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã TC, huyện GC T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 21/02/1994. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung nên thường hay

cãi nhau. Anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không được và đã ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 06/5/1992 và Nguyễn Thị Tuyết C, sinh ngày 24/10/2000. Hiện con chung đã trưởng thành anh không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì mặc dù toà án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị N có địa chỉ tại xã BX, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T xin ly hôn với chị Năm, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã TC cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 21/02/1994 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh T cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung nên thường hay cãi nhau, anh chị cũng có hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh, chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Nay tình cảm không còn anh T yêu cầu ly hôn với chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng chị N không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Cho thấy chị N không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng anh T và chị N đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 06/5/1992 và Nguyễn Thị Tuyết C, sinh ngày 24/10/2000. Hiện con chung đã trưởng thành anh T không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị N.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0027382 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Trần Thị N không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND xã TC, GCT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo